

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 01 năm 2019
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Viêm Văn Doãn; Ông Nguyễn Quốc Trung.

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thanh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Hồ Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thúy Q, sinh năm 1990; (Có mặt).

HKTT: Khu B, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân P, sinh năm 1986; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

HKTT: Khu B, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 13, phân trại số 4, Trại giam N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 26 tháng 12 năm 2018 và các lời khai tại Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh, nguyên đơn là chị Lê Thúy Q trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Xuân P ngày 03 tháng 10 năm 2011. Trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung cùng gia đình anh P được khoảng gần 01 năm, sau đó chị Q về nhà mẹ đẻ ở Quảng Ninh ở thì anh P cũng xuống đó ở cùng chị. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do anh P không có công ăn việc làm ổn định nhưng lại sống chơi bời, đua đòi, không làm chỗ dựa cho mẹ con chị Q, một mình chị phải lo

toan cho cuộc sống gia đình. Anh P xuống Quảng Ninh ở với gia đình chị Q được khoảng hơn 01 năm thì anh P lại về Bắc Ninh ở với bố mẹ đẻ. Trong thời gian sống ở Quảng Ninh, mẹ đẻ chị Q có cho anh P tiền để đi học nghề nhưng anh P không chịu học, anh P bảo chị vay tiền để đi làm ăn nhưng lại lấy tiền để đi đánh bạc, bà ngoại chị Q cho tiền để mua xe máy thì anh P mang cả xe máy đi cầm, bà ngoại chị Q phải cho tiền để chuộc xe về. Đến năm 2013 anh P về Bắc Ninh ở thì vi phạm pháp luật và bị Tòa án kết án 80 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Hiện nay anh P đang chấp hành án tại đội 13, phân trại số 4, Trại giam N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian anh P cải tạo ở trại giam, thỉnh thoảng chị cùng với mẹ chồng xuống trại để tiếp tế cho anh. Ở trại cũng có phòng để vợ chồng gặp nhau nhưng do chị không còn tình cảm với anh P nên khi xuống tiếp tế cho anh P chị không đăng ký phòng, chị đi tiếp tế cho anh để làm tròn trách nhiệm của người vợ chứ không còn tình cảm với anh P. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về đoàn tụ với nhau được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thiên A, sinh ngày 15/3/2012. Hiện nay cháu Thiên A đang ở với chị Q ở Quảng Ninh. Ly hôn chị xin được nuôi cháu Thiên A vì hiện tại anh P đang đi cải tạo, hơn nữa cháu Thiên A ở với chị từ nhỏ, hiện cháu đang đi học ở Quảng Ninh. Vì vậy khi ly hôn chị Q có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Thiên A và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về công nợ: Vợ chồng chị không nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng chị.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Xuân P trình bày: Anh và chị Lê Thúy Q kết hôn với nhau năm 2011. Trước khi kết hôn vợ chồng tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung cùng gia đình anh tại khu B, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 12 năm 2013 thì anh bị đi cải tạo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, hiện nay anh đang chấp hành án tại đội 13, phân trại số 4, Trại giam N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, vì vậy chị Q xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thiên A, sinh ngày 15/3/2012. Vì anh phải đi cải tạo nên hiện nay cháu Thiên A đang ở với chị Q. Quan điểm của anh khi ly hôn là muốn được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Thiên A vì anh sắp chấp hành xong hình phạt và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản gì chung.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật

của những người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Lê Thúy Q được ly hôn anh Nguyễn Xuân P.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Thiên A, sinh ngày 15/3/2012 cho chị Lê Thúy Q nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con: Chị Q không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản, công nợ: Không có nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Chị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thúy Q kết hôn với anh Nguyễn Xuân P ngày 03 tháng 10 năm 2011. Trước khi kết hôn chị Q, anh P đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Như vậy, chị Q và anh P đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chị Q và anh P không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh P không có công ăn việc làm ổn định nhưng lại sống chơi bời, đua đòi, không làm chỗ dựa cho mẹ con chị Q, một mình chị phải lo toan cho cuộc sống gia đình. Đến năm 2013 anh P vi phạm pháp luật và bị Tòa án kết án 80 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Hiện nay anh P đang chấp hành án tại đội 13, phân trại số 4, Trại giam N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay chị Q vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh P, anh P không đồng ý ly hôn. Hiện nay anh P đang chấp hành án nên anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị Q được ly hôn anh P.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị Q, anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thiên A, sinh ngày 15/3/2012.

Tại phiên tòa, chị Q xin được nuôi cháu Nguyễn Ngọc Thiên A và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Anh P vắng mặt song tại bản tự khai tại Trại giam Ngọc Lý anh P trình bày nếu ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Ngọc Thiên A và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Thiên A còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ, cháu ở với chị Q từ nhỏ và hiện nay đang đi học ở Quảng Ninh. Anh P hiện nay đang phải chấp hành án tại trại giam Ngọc Lý nên không có điều kiện để nuôi dưỡng cháu Thiên A. Để ổn định cuộc sống và việc học tập của cháu Thiên A, cần giao cháu Thiên A cho

chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Q không yêu cầu do vậy không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản nên không đặt ra xem xét.

[4] Về công nợ: Vợ chồng không có công nợ nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thúy Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thúy Q được ly hôn anh Nguyễn Xuân P.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thiên A, sinh ngày 15/3/2012 cho chị Lê Thúy Q trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị Q không yêu cầu.
3. Về tài sản: Không có.
4. Về công nợ: Không có.
5. Về án phí dân sự: Chị Lê Thúy Q phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận chị Lê Thúy Q đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2017/0001570 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh). Chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TP. Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP. Bắc Ninh;
- UBND phường Võ Cường.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Ngọc Anh